

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 135/GPMT-UBND

Quảng Trị, ngày 14 tháng 11 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Planted Forest Biomass Quảng Trị số 01/2025/BIOMASS-GPMT ngày 03/11/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 630/TTr-SNNMT ngày 10/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Planted Forest Biomass Quảng Trị, địa chỉ tại Cụm công nghiệp Hải Chánh, xã Nam Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án: Nhà máy sản xuất viên nén chất đốt Wood Pellet với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất viên nén chất đốt Wood Pellet.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Hải Chánh, xã Nam Hải Lãng, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số 3200747725 do Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị cấp ngày 20/3/2025.

1.4. Mã số thuế: 3200747725.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến gỗ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Diện tích sử dụng đất: 33.100 m² gồm:

+ Các hạng mục công trình chính: Khu sản xuất viên nén gỗ: 5.194 m²; Nhà Văn phòng điều hành: 276,6 m².

+ Các hạng mục công trình phụ trợ với tổng diện tích: 20.545,42 m², Nhà kho: 3.200 m², Nhà chứa nguyên liệu có mái che, nhà cấp 4: 2.400 m², Nhà nghỉ cán bộ nhân viên: 264 m²...

+ Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống xử lý nước thải: 25 m²; Nhà lưu chứa chất thải rắn: 62 m²; Nhà lưu chứa chất thải nguy hại: 10m²; Nhà vệ sinh công nhân: 51,84 m²; Cây xanh: 6.804 m².

- Nhóm Dự án: B (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí về môi trường tương đương như Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

- Công suất: 192.000 tấn viên nén/năm.

- Tóm tắt Quy trình công nghệ sản xuất: Nguyên liệu → Tay gắp Robot → Máy bóc vỏ cây → Lõi cây → Nghiền thô → Nghiền tinh → Sấy → Ép viên → Đóng bao.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về Bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Planted Forest Biomass Quảng Trị có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận:

- Công ty CP Planted Forest Biomass Quảng Trị;
- Chủ tịch, PCTTT UBND tỉnh Hoàng Nam;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chánh VP, PCVP Nguyễn Cửu;
- UBND xã Nam Hải Lăng;
- BQLDA PTQĐ và CCN Diên Sanh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT (Thu).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Dự án: Nhà máy sản xuất viên nén chất đốt Wood Pellet
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 135 /GPMT-UBND ngày 14/11/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu nhà điều hành.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu nhà nghỉ công nhân.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh của công nhân.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Dòng nước thải (tương ứng với nguồn số 1, số 2, số 3): Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung nằm tại phía Đông Bắc khu vực Dự án sẽ theo ống nhựa HDPE D160 dài 20 m dẫn ra khe nước tự nhiên cách khu vực Dự án khoảng 30 m về phía Bắc.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí: Tại hồ ga xả thải nằm phía Đông Bắc Nhà máy, sau đó chảy vào khe nước tự nhiên cách khu vực Dự án 30 m về phía Bắc tại thôn Mỹ Chánh, xã Nam Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

- Tọa độ vị trí xả thải: X: 1.838.182m; Y: 639.601m.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106°00', múi chiều 3°)

Khi hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Cụm công nghiệp Hải Chánh xây dựng hoàn thiện, Chủ dự án sẽ đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 4,3 m³/ngày.đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục trong ngày (24/24h).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn cho phép trước khi xả thải theo QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột A, F ≤ 2.000 m³/ngày), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không áp dụng	Không áp dụng
2	TSS	mg/l	≤30		
3	BOD ₅	mg/l	≤25		
4	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤10		
5	Coliform	MPN/100 ml	≤3.000		
6	Tổng Nitơ (T - N)	mg/l	≤20		
7	NH ₄ ⁺ tính theo N	mg/l	≤4		
8	Tổng Photpho (T - P)	mg/l	≤2,5		
9	Sunfua	mg/l	≤0,2		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

a. Đối với nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên sẽ được thu gom và xử lý bằng 03 bể tự hoại 5 ngăn trong đó 01 bể tại khu vực nhà điều hành với thể tích 10 m³/ngày.đêm, 01 bể tại khu nhà nghỉ công nhân với thể tích 10 m³/ngày.đêm, và 01 bể tại khu nhà vệ sinh công nhân với thể tích 10 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý sẽ theo đường ống HDPE D160 dài 362 m dẫn ra hệ thống xử lý nước thải nằm tại phía Đông Bắc khu vực Dự án. Nước thải sau khi xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải đạt cột A của QCVN 14:2025/BNTMT sẽ theo ống nhựa HDPE D160 dài 20 m dẫn ra khe nước tự nhiên cách khu vực Dự án khoảng 30 m về phía Bắc.

b. *Nước thải sản xuất:* Dự án phát sinh nước thải sản xuất từ hoạt động xử lý khí thải lò sấy, nhưng Dự án đã xử lý lượng nước thải này và quay vòng tái sử dụng, không xả thải ra bên ngoài.

c. Nước mưa chảy tràn:

Chủ dự án sẽ xây dựng hệ thống cống thoát nước mưa bao quanh khu vực Nhà máy, bao gồm cống hộp có kích thước rộng 0,4 m dài 200 m và cống hộp rộng 0,5 m dài 370 m bao quanh khu vực Nhà máy, hướng thoát nước Nam - Bắc, độ dốc thoát nước $i = 1\%$. Trên hệ thống cống thoát nước bố trí 34 hố ga thu nước với kích thước mỗi hố: (1,2 x 1,2 x 1,5) m. Nước mưa theo hệ thống thu gom về 02 cống hộp kích thước rộng 0,5 m dài 40 m tại góc phía Tây Bắc của dự án và thoát nước theo hướng nghiêng địa hình đổ ra khe nước tự nhiên phía Bắc của Dự án.



Đối với nước mưa chảy tràn qua sân, bãi đỗ xe:

+ Chủ dự án sẽ bố trí công nhân thường xuyên quét dọn sân bãi.

+ Đối với dầu mỡ từ phương tiện vận chuyển: Phương tiện vận chuyển phải được kiểm tra và sửa chữa rò rỉ dầu mỡ và các chất lỏng khác từ xe. Việc kiểm tra bảo dưỡng xe được thực hiện tại các gara sửa chữa trên địa bàn, đảm bảo không phát sinh dầu mỡ rò rỉ tại khu vực Dự án.

Nước mưa chảy tràn qua sân, bãi đỗ xe không nhiễm dầu mỡ, bụi,... được thu gom vào cống hộp thoát nước mưa của Nhà máy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

a. Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng 03 bể tự hoại 5 ngăn, 01 bể tại khu vực nhà điều hành với thể tích $10 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, 01 bể tại khu nhà nghỉ công nhân với thể tích $10 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, và 01 bể tại khu nhà vệ sinh công nhân với thể tích $10 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Nước thải sau xử lý sẽ theo đường ống HDPE D160 dài 362 m dẫn ra hệ thống xử lý nước thải nằm tại phía Đông Bắc khu vực Dự án.

Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sau khi xử lý bằng bể tự hoại 5 ngăn → Bể gom → Màng lọc MBR → Bể lắng → Bể khử trùng.

Nước thải sau khi xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải đạt cột A của QCVN 14:2025/BNTMT sẽ theo ống nhựa HDPE D160 dài 20 m dẫn ra khe nước tự nhiên cách khu vực Dự án khoảng 30 m về phía Bắc.

b. Nước thải từ quá trình xử lý khí thải:

Nước từ hệ thống xử lý khí thải sẽ được dẫn qua bể có cấu tạo 04 ngăn trong đó 02 ngăn đầu là ngăn chứa có tác dụng giảm nhiệt độ nước thải, sau đó dẫn qua 02 ngăn lắng nhằm lắng lượng chất rắn lơ lửng sau khi xử lý, nước sau khi được lắng sẽ bơm tuần hoàn vào tháp hấp thụ để tiếp tục xử lý khí thải. Bùn từ quá trình lắng được thu gom định kỳ 1 tuần/lần và hợp đồng xử lý đúng quy định. Công ty cam kết không phát sinh nước thải sản xuất ra môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án sau hoạt động nâng công suất có tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh là $4,3 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ nên không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

- Dự kiến từ tháng 9/2026 đến tháng 12/2026 hoặc trong khoảng thời gian 03 tháng, bắt đầu từ khi Nhà máy xây dựng hoàn thiện đi vào vận hành.

- Trước khi vận hành thử nghiệm 10 ngày có kế hoạch gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, giám sát, kiểm tra theo đúng quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Nhà máy.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: Hồ gom đầu vào sau bể tự hoại 05 ngăn của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- Vị trí mẫu đầu ra: Tại hồ gas xả thải sau bể khử trùng, trước khi xả thải ra môi trường.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép đầu nổi theo quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất quan trắc

Tần suất quan trắc chất thải do Chủ Dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ các hoạt động của Dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Không được tập kết nguyên liệu, sản phẩm ngoài trời làm phát sinh thêm nước mưa chảy tràn qua khu vực nguy cơ ô nhiễm (nước thải sản xuất); không được thực hiện hoạt động nấu ăn tại Nhà máy làm phát sinh thêm nước thải sinh hoạt từ hoạt động nhà bếp làm vượt quá khả năng của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.



3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải. Đầu tư các hạng mục bổ sung nếu quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải không đạt quy chuẩn như đã cam kết.

3.6. Lập thủ tục đấu nối và hoàn thiện hệ thống đường ống đấu nối nước thải sinh hoạt của Nhà máy, lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng trước khi đấu nối vào Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Hải Chánh.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

Dự án: Nhà máy sản xuất viên nén chất đốt Wood Pellet

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 135 /GPMT-UBND ngày 14/11/2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ lò đốt số 01;
- Nguồn số 2: Khí thải phát sinh từ lò đốt số 02;
- Nguồn số 3: Khí thải phát sinh từ lò đốt số 03;
- Nguồn số 4: Khí thải phát sinh từ lò đốt số 04;
- Nguồn số 5: Bụi phát sinh từ công đoạn nghiền thô;
- Nguồn số 6: Bụi phát sinh từ công đoạn ép viên.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải:

- Dòng thải số 1 (Nguồn số 01): Khí thải sau khi xử lý qua ống khói cao 21 m thoát ra môi trường.
- Dòng thải số 2 (Nguồn số 02): Khí thải sau khi xử lý qua ống khói cao 21 m thoát ra môi trường.
- Dòng thải số 3 (Nguồn số 03): Khí thải sau khi xử lý qua ống khói cao 21 m thoát ra môi trường.
- Dòng thải số 4 (Nguồn số 04): Khí thải sau khi xử lý qua ống khói cao 21 m thoát ra môi trường.
- Dòng thải số 5 (Nguồn số 05): Bụi sau khi xử lý qua ống khói cao 11 m thoát ra môi trường.
- Dòng thải số 6 (Nguồn số 06): Bụi sau khi xử lý qua ống khói cao 11 m thoát ra môi trường.

2.2. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả khí thải: Thôn Trà Trì Phú, xã Nam Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.
- Tọa độ xả khí thải:
 - + Ống khói số 01 cao 21 m, tọa độ: X: 1.838.075 m, Y: 639.563 m.
 - + Ống khói số 02 cao 21 m, tọa độ: X: 1.838.066 m, Y: 639.556 m.
 - + Ống khói số 03 cao 21 m, tọa độ: X: 1.838.057 m, Y: 639.548 m.

- + Ống khói số 04 cao 21 m, tọa độ: X: 1.838.047 m, Y: 639.541 m.
- + Ống thoát cao 11 m của hệ thống xử lý bụi công đoạn nghiền thô, tọa độ: X: 1.838.061 m, Y: 639.516 m.
- + Ống khói cao 11 m của hệ thống xử lý bụi công đoạn ép viên, tọa độ: X: 1.838.096 m, Y: 639.542 m.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}00'$, múi chiều 3°)

3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng thải số 1: $10.000 \text{ m}^3/\text{h}$.
- Dòng thải số 2: $10.000 \text{ m}^3/\text{h}$.
- Dòng thải số 3: $10.000 \text{ m}^3/\text{h}$.
- Dòng thải số 4: $10.000 \text{ m}^3/\text{h}$.
- Dòng thải số 5: $12.000 \text{ m}^3/\text{h}$.
- Dòng thải số 6: $12.000 \text{ m}^3/\text{h}$.

4. Phương thức xả khí thải: Xả cường bức, xả liên tục trong ca sản xuất.

5. Chất lượng khí thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột C tại Bảng 1, Bảng 2), như sau:

- Nồng độ các chất ô nhiễm sau xử lý đối với dòng 1, 2, 3 và 4 như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	-	-	6 tháng/lần, theo cam kết của Chủ Dự án	Không áp dụng
2	Bụi tổng (TSP)	mg/Nm^3	≤ 60		
3	NO_x	mg/Nm^3	≤ 300		
4	SO_2	mg/Nm^3	≤ 250		
5	CO	mg/Nm^3	≤ 350		

- Nồng độ các chất ô nhiễm sau xử lý đối với dòng 5 và dòng 6 như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	-	-	6 tháng/lần, theo cam kết của Chủ Dự án	Không áp dụng
2	Bụi tổng (TSP)	mg/Nm^3	≤ 60		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Bụi phát sinh tại công đoạn nghiền thô, ép viên được thu gom bằng chụp hút và dẫn về hệ thống Cyclone để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thoát ra môi trường.

- Khí thải phát sinh từ công đoạn sấy được thu gom và xử lý bụi bằng cyclone và bể lọc ướt tháp hấp thụ. Tại mỗi lò đốt bố trí 02 cyclone và một bể lọc ướt tháp hấp thụ, nhà máy có 04 lò sẽ có 08 cyclone và 04 bể lọc ướt tháp hấp thụ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

* Giảm thiểu bụi, khí thải từ công đoạn nghiền thô, ép viên:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi từ dây chuyền phát sinh → Chụp hút → Cyclone → Môi trường tiếp nhận.

- Tổng công suất thiết kế: 24.000 m³/giờ.

- Thông số thiết bị hệ thống xử lý khí thải công đoạn nghiền thô, ép viên.

TT	Công trình	Kích thước Cyclone	Ống khói	Công suất quạt hút
1	Công đoạn nghiền thô	- Đường kính cyclone: $D_0 = 1,6$ m - Đường kính ống xả bụi: $D_d = 0,8$ m - Chiều cao phần hình trụ của cyclone: $H_1 = 1,5$ m - Chiều cao phễu cyclone: $H_2 = 3,4$ m	- Đường kính ngoài ống $d = 0,4$ m - Chiều dày ống 300 mm - Chiều cao: 11 m	12.000 m ³ /h
2	Công đoạn ép viên	- Đường kính cyclone: $D_0 = 1$ m - Đường kính ống xả bụi: $D_d = 0,4$ m - Chiều cao phần hình trụ của cyclone: $H_1 = 1,5$ m - Chiều cao phễu cyclone: $H_2 = 1,5$ m	- Đường kính ngoài ống $d = 0,4$ m - Chiều dày ống: 0,003 m - Chiều cao: 11 m	12.000 m ³ /h

* Giảm thiểu bụi, khí thải từ công đoạn sấy:

- Tóm tắt Quy trình công nghệ: Khí thải từ lò đốt → Cyclone lọc bụi thô → Tháp lọc bụi ướt → Quạt hút → Ống khói → Môi trường tiếp nhận.

- Tổng công suất thiết kế: 40.000 m³/giờ.

- Thông số thiết bị hệ thống xử lý khí thải của từng lò sấy.

TT	Công trình	Thông số	Số lượng
1	Cyclone 1	- Đường kính cyclone: $D_0 = 1,2$ m - Đường kính ống xả bụi: $D_d = 0,5$ m - Chiều cao phần hình trụ của cyclone: $H_1 = 2,3$ m - Chiều cao phễu cyclone: $H_2 = 1,2$ m	04

TT	Công trình	Thông số	Số lượng
2	Cyclone 2	- Đường kính cyclone: $D_0 = 1,2$ m - Đường kính ống xả bụi: $D_d = 0,5$ m - Chiều cao phần hình trụ của cyclone: $H_1 = 2,3$ m - Chiều cao phễu cyclone: $H_2 = 1,2$ m	04
3	Ống khói	- Đường kính ngoài ống $d = 0,3$ m - Chiều dày ống: 300 mm - Chiều cao: 21 m	04
4	Quạt hút	Công suất: $10.000 \text{ m}^3/\text{h}/\text{hệ thống}$	04
5	Tháp hấp thụ	- Kích thước tháp hấp thụ: $(3,0 \times 1,5 \times 1,7)$ m - Kích thước bể xử lý nước thải: + 02 ngăn giảm nhiệt kích thước: $(3,5 \times 2,0 \times 1,0)$ m + 02 ngăn lắng kích thước: $(3,5 \times 2,0 \times 1,0)$ m	04

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Dự án nâng công suất có tổng lưu lượng khí thải phát sinh là $64.000 \text{ m}^3/\text{h}$ nên không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và vệ sinh bên trong lò sấy, vệ sinh dưới lò sấy, vệ sinh đường ống thoát khói trong trường hợp bị tắc đường dẫn khói phải ngừng lò làm vệ sinh.

- Theo dõi và điều chỉnh tỷ lệ nhiên liệu đốt phù hợp.

- Kiểm tra định kỳ toàn bộ lò sấy 01 tháng/lần. Đặc biệt chú ý các loại van, áp kế và ống khói xem có hiện tượng rò rỉ, tích tụ tro ở cuối lò, hư hỏng các lớp vữa chịu nhiệt, nếu có hiện tượng hư hỏng cần khắc phục hoặc thay thế kịp thời trước khi đưa vào vận hành.

- Công nhân vận hành lò sấy được tham gia lớp huấn luyện và đào tạo về quy trình vận hành.

- Khi xảy ra sự cố lò sấy cần thực hiện các bước như: Ngừng cung cấp nhiên liệu và không khí vào lò; Nhanh chóng đưa nguyên liệu đang cháy ra khỏi buồng đốt; Sau khi chấm dứt sự cháy thì đóng hết các cửa van và lá chắn khói lại, để máy nguội từ từ dưới sự giám sát của người vận hành và đặc biệt tuyệt đối nghiêm cấm việc dùng nước để dập lửa trong lò sấy.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

- Giai đoạn vận hành thử nghiệm được thực hiện dự kiến trong khoảng thời gian 03 tháng, bắt đầu từ khi hệ thống xử lý xây dựng hoàn thiện đi vào vận hành.



Trước khi vận hành thử nghiệm 10 ngày, có kế hoạch gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, giám sát, kiểm tra theo đúng quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

04 Hệ thống xử lý khí thải lò đốt, 01 hệ thống xử lý bụi công đoạn nghiền thô và 01 hệ thống xử lý bụi công đoạn ép viên.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống khói của hệ thống xử lý bụi.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ Dự án phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất quan trắc: Tần suất quan trắc chất thải do Chủ Dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức, nếu có một trong những thông số xả khí thải vượt QCVN về khí thải, nhà máy thực hiện các biện pháp giảm thiểu bổ sung để xử lý khí thải lò sấy đảm bảo quy chuẩn xả thải trước khi thải ra môi trường. Đồng thời, quan trắc môi trường bổ sung để đánh giá mức độ phát tán mùi hôi ra môi trường xung quanh.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất (nếu có) để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án: Nhà máy sản xuất viên nén chất đốt Wood Pellet

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 135/GPMT-UBND ngày 11/11/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Phát sinh từ dây chuyền máy bóc vỏ cây.
- Nguồn số 02: Phát sinh từ dây chuyền nghiền thô, nghiền tinh.
- Nguồn số 03: Phát sinh từ dây chuyền ép viên nén.
- Nguồn số 04: Phát sinh từ hoạt động vận tải, bốc xếp nguyên liệu, sản phẩm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực dây chuyền máy bóc vỏ cây. Tọa độ X: 1.838.078 m; Y: 639.532 m;

- Nguồn số 02: Khu vực dây chuyền nghiền thô, nghiền tinh. Tọa độ X: 1.838.061 m, Y: 639.516 m.

- Nguồn số 03: Khu vực dây chuyền ép viên nén. Tọa độ X: 1.838.096 m, Y: 639.542 m;

+ Nguồn số 04: Phát sinh từ hoạt động vận tải, bốc xếp nguyên liệu, sản phẩm. Tọa độ X: 1.838.110 m; Y: 639.469 m.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106°00', mũi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

- Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn và độ rung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc, như sau:

Thông số	Đơn vị	Tiếp xúc 1h	Tiếp xúc 4h	Áp dụng theo quy chuẩn	Tần suất quan trắc định kỳ
Độ ồn	dBA	94	88	QCVN 24/2016/BYT	Không áp dụng
Độ rung (Gia tốc rung)	(m/s ²)	3,9	2,0	QCVN 27/2016/BYT	

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung xung quanh Dự án: Tiếng ồn và độ rung sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu đạt QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (tại khu vực thông thường từ 6 - 21 giờ). Mức độ giới hạn cho phép như sau:

T T	Thông số	Đơn vị	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Quy chuẩn áp dụng	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Tiếng ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT	Không áp dụng
2	Độ rung	m/s ²	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Khu vực nhà xưởng được xây dựng đảm bảo khoảng cách an toàn với văn phòng làm việc và khu dân cư. Đối với khu vực phát sinh độ ồn cao sẽ được đổ bê tông đáy và xây tường bao xung quanh.

- Lựa chọn các thiết bị máy móc có độ ồn thấp, không sử dụng các máy móc quá cũ, lạc hậu.

- Đảm bảo tỷ lệ trồng cây xanh tại Nhà máy chiếm 20% tổng diện tích Nhà máy trở lên. Diện tích trồng cây xanh 6.804 m².

- Trong quá trình sử dụng sẽ thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động,...) để máy móc hoạt động với tình trạng tốt nhất.

- Vận hành sản xuất đúng thời gian quy định, bố trí thời gian làm việc hợp lý cho các công nhân làm việc trong các khu vực có tiếng ồn cao và có chế độ khám sức khỏe định kỳ, nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và các phương tiện chống ồn cho công nhân.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và các phương tiện chống ồn cho công nhân.

- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực Công ty.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

2.2. Chịu trách nhiệm chính trong quản lý các nguồn tiếng ồn, độ rung trong phạm vi Nhà máy.

2.3. Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và QCVN 24:2016/BYT, 27:2016/BYT.



Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Dự án: Nhà máy sản xuất viên nén chất đốt Wood Pellet

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 135 /GPMT-UBND ngày 14/ 11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Danh mục chất thải nguy hại	Mã CTNH	Khối lượng/tháng (kg)
1	Chất hấp thụ vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm chất thải phân nguy hại	18 02 01	1,5
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	0,5
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải.	17 02 03	3,0
	Tổng		5,0

- Tổng khối lượng: CTNH ước tính phát sinh khoảng 5,0 kg/tháng.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Tro từ lò đốt	Rắn	-	480
2	Giấy và bao bì carton thải bỏ	Rắn	18 01 05	5
3	Chất thải rắn rơi vãi trong quá trình sản xuất	Rắn	-	15
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và khí thải	Bùn	09 03 06	2

- Lượng phát sinh chất thải rắn sản xuất của Dự án khoảng 502 kg/ngày.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Khối lượng: Tối đa khoảng 86,5 kg/ngày.

- Chủng loại: Chủ yếu là thực phẩm (vỏ rau, củ quả...), thức ăn dư thừa, túi nilon, chai lọ, giấy lau.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh sẽ được thu gom và lưu giữ theo đúng quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Nhà máy sẽ bố trí 02 thùng 60L có nhãn dán chất thải nguy hại, để lưu giữ tạm thời từng loại chất thải nguy hại phát sinh tại Nhà máy.

- Chất thải nguy hại sẽ xây dựng kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 10 m² bố trí tại khu vực nhà xưởng số 3 nằm phía Đông Nam khu vực Dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Trong quá trình sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị dầu mỡ sẽ được thu gom đưa về khi chất thải nguy hại, tránh thất thoát ra môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

** Đối với chất thải rắn sinh hoạt:*

- Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.

- + Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn hoạt động là 86,5 kg/ngày. Chủ dự án sẽ bố trí 03 thùng rác loại 60 L tại khu vực nhà văn phòng điều hành, 03 thùng 60 L tại khu vực căng tin và 03 thùng 60 L tại khu vực nhà nghỉ công nhân để thu gom lượng rác thải phát sinh.

- + Đưa ra các quy định yêu cầu công nhân thu gom, sắp xếp gọn gàng chất thải rắn tập kết tại các thùng rác.

- + Đối với các loại chất thải có khả năng tái chế như vỏ chai, lọ; giấy vụn, bìa carton... sẽ được thu gom bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- + Hợp đồng với Hợp đồng Trung tâm Môi trường - Đô thị xã Diên Sanh để đưa đi xử lý theo đúng quy định.

** Đối với chất thải công nghiệp thông thường :*

- Chất thải là tro phát sinh từ công đoạn đốt lò sẽ được chủ dự án định kỳ hàng ngày cho công nhân thu gom với bao bì hư hỏng và hợp đồng với Hợp đồng Trung tâm Môi trường - Đô thị xã Diên Sanh để đưa đi xử lý.

- Chất thải có khả năng tái chế như bìa carton, giấy vụn,... sẽ thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Bố trí công nhân định kỳ 6 tháng/lần nạo vét vệ sinh cống rãnh xung quanh nhà máy.

- Đối với bùn từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất đây là loại chất thải có thể chứa các thành phần nguy hại, do đó cần phải phân định để xác định thành phần nguy hại, nếu phát hiện thành phần nguy hại thì sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT; nếu không phát hiện có chứa thành phần nguy hại thì hợp đồng với Đơn vị có chức năng đưa đi xử lý.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa sự cố về cháy nổ

Các biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy nổ đang áp dụng tại Nhà máy:

- Trước khi thi công sẽ thiết kế hoàn chỉnh hệ thống phòng cháy chữa cháy, phương án phòng cháy chữa cháy trình cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt theo quy định. Thực hiện xây dựng, trang bị máy móc thiết bị theo đúng phương án phòng cháy chữa cháy đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt.

- Thực hiện các biện pháp, giải pháp kỹ thuật để khống chế và kiểm soát chặt chẽ nguồn lửa, nguồn nhiệt, nguồn sinh lửa, sinh nhiệt.

- Xây dựng hệ thống chữa cháy, báo cháy, hệ thống bình cứu nhanh trong Nhà làm việc.

- Trang bị hệ thống phòng cháy nổ theo đúng quy định phòng cháy, chữa cháy cho nhà cửa và các công trình.

- Khi nghỉ làm việc phải tắt các nguồn điện, nguồn nhiệt đồng thời kiểm tra các yếu tố khác có thể phát sinh nguồn nhiệt.

- Lắp đặt thiết bị bảo vệ (Aptomat) cho hệ thống điện toàn Nhà máy, từng khu vực, phân xưởng và các thiết bị điện có công suất lớn, tách riêng các nguồn điện: chiếu sáng, phục vụ thoát nạn, chữa cháy... Nghiêm cấm các hành vi tự ý: câu mắc, dùng dây dẫn điện cắm trực tiếp vào ổ điện, sử dụng điện tùy tiện mất an toàn.

- Mỗi bộ phận, ca làm việc có tổ hoặc có người tham gia đội PCCC; bố trí lực lượng thường trực chữa cháy 24/24 giờ, đảm bảo điều kiện chữa cháy tại chỗ.

- Tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC cho cán bộ quản lý, công nhân làm việc tại nhà máy.

- Xây dựng tường bao quanh khu vực nhà máy. Tường xây bằng gạch không nung cao 2,2 m để hạn chế ảnh hưởng khi có cháy rừng xảy ra.

- Dự án cam kết tuân thủ các quy định pháp luật về lâm nghiệp, công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng đối với khu vực rừng liền kề.

2. An toàn lao động

- Tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên của Nhà máy. Khi xảy ra tai nạn lao động CBCNV đã được tập huấn cần phải sơ cứu kịp thời cho nạn nhân sau đó liên lạc với bộ phận y tế để chuyển tới bệnh viện cấp cứu.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động phù hợp với từng nhiệm vụ.

- Thường xuyên và định kỳ khám sức khỏe cho công nhân ít nhất là 01 lần/năm.

3. Phòng ngừa sự cố lò sấy

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng và vệ sinh bên trong lò sấy và vệ sinh lò sấy, vệ sinh đường thoát khói trong trường hợp bị tắc đường dẫn khói phải ngừng lò và làm vệ sinh.

- Theo dõi và điều chỉnh tỷ lệ nhiên liệu đốt cho phù hợp.

- Khi lò sấy vận hành 1 tháng sẽ tiến hành kiểm tra lại toàn bộ lò sấy 1 lần. Đặc biệt chú ý các loại van, áp kế và ống khói xem có hiện tượng rò rỉ, tích tụ tro ở cuối lò, hư hỏng các lớp vữa chịu nhiệt, nếu có hiện tượng hư hỏng cần khắc phục hoặc thay thế kịp thời trước khi đưa vào vận hành.

- Công nhân vận hành lò sấy sẽ được tham gia lớp huấn luyện và đào tạo về quy trình vận hành.

- Lập quy trình vận hành và quy định an toàn đối với lò sấy, trong đó sẽ ghi rõ:

+ Kiểm tra chế độ an toàn thiết bị trước khi vận hành.

+ Bàn giao sổ rõ ràng từng ca một, ghi rõ diễn biến trong quá trình vận hành, nếu có sự cố phải ghi cụ thể tình trạng và biện pháp đã xử lý, trước khi bàn giao ghi ý kiến đề xuất (nếu có).

+ Phải trực 24/24 h, không lơ đãng hoặc ngủ quên trong quá trình trực lò sấy.

+ Trong quá trình đốt phải luôn luôn kiểm tra các đồng hồ đo nhiệt độ, đảm bảo cung cấp đủ nhiệt cho quá trình sấy.

+ Nếu có sự cố mà không tự xử lý được người trực phải báo cáo cho người phụ trách hoặc ban giám đốc biết để kịp thời giải quyết.

+ Lưu ý trong khu vực lò sấy cũng như nhà máy tuyệt đối không được hút thuốc, uống bia rượu hoặc dùng các chất kích thích khác, không làm việc riêng, sử dụng hoặc làm việc với nhưng dụng cụ gây ra cháy nổ, không được phép cho người lạ vào lò và tiếp khách trong khu vực lò sấy.

- Khi xảy ra sự cố lò sấy cần thực hiện các bước như: Ngừng cung cấp nhiên liệu và không khí vào lò; Nhanh chóng đưa than đang cháy ra khỏi buồng đốt; Sau khi chấm dứt sự cháy thì đóng hết các cửa van và lá chắn khói lại, để lò nguội từ từ dưới sự giám sát của người vận hành và đặc biệt tuyệt đối nghiêm cấm việc dùng nước để dập lửa trong lò sấy.

4. Phòng ngừa sự cố máy sấy dầu truyền nhiệt

- Thường xuyên kiểm tra chất lượng dầu, đảm bảo lưu lượng dầu và tốc độ dòng chảy hợp lý.

- Kiểm soát nhiệt độ bồn giãn nở, trang bị nguồn điện dự phòng

- Thiết kế đường ống song song với thiết bị gia nhiệt để đảm bảo luôn có đủ lưu lượng dầu chảy qua thiết bị, tránh hiện tượng quá nhiệt cục bộ tại thành ống.

- Trang bị máy phát điện dự phòng cho lò dầu truyền nhiệt để đảm bảo duy trì dòng chảy của dầu khi có sự cố cúp điện đột ngột, tránh dầu bị cháy hoặc tràn.

- 
- Nhân viên được trang bị găng tay chịu nhiệt, kính bảo hộ và quần áo bảo hộ.
 - Tổ chức huấn luyện, đào tạo nhân viên về cách xử lý khi có sự cố tràn dầu, cháy dầu và quy trình lấy mẫu dầu an toàn.

C. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC, GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện Chương trình quan trắc theo Phụ lục 1, 2.

2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần.
- Vị trí quan trắc: Tại kho chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại.

3. Giám sát môi trường lao động theo đúng quy định.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án: Nhà máy sản xuất viên nén chất đốt Wood Pellet

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 135 /GPMT-UBND ngày 14/ 11/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tuân thủ thu gom, xử lý các nguồn nước thải, bụi, khí thải đảm bảo quy định; thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải, đảm bảo không để chất thải không được xử lý xả thải ra môi trường, ảnh hưởng đến người dân.

2. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Kho lưu giữ chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định (trừ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025).

3. Xử lý nước thải, khí thải đảm bảo QCVN xả thải trước khi thải ra môi trường. Thực hiện các giải pháp bổ sung để hạn chế bụi, khí thải trong quá trình sản xuất, đảm bảo không ảnh hưởng đến người dân xung quanh khu vực và sức khỏe của người lao động trong dự án.

4. Thường xuyên thực hiện vệ sinh công nghiệp trong toàn bộ khuôn viên nhà máy trong suốt quá trình hoạt động.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và quản lý hóa chất theo quy định hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bởi Thông tư 07/2025/TT-BTNMT gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải

tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

(Thông số kỹ thuật của các công trình bảo vệ môi trường nêu tại Phụ lục 1, 2, 3 và 4 của Giấy phép này căn cứ vào hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường do Chủ Dự án cung cấp; Chủ Dự án tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông số này)./.